TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH SƠN** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05**/2020/HNGĐ-ST
Ngày 22/5/2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung và cấp dưỡng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Toại

Các hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Lan và ông Bùi Tấn Sinh;

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quang Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân nhân huyện Bình Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khôi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 41/2019/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2019, về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung, cấp dưỡng"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 5 năm 2020, giữa:

1. Nguyên đơn: **Chị Lê Thị Th, sinh năm 1993, có mặt;**

Nơi cư trú: Số nhà 36 đường T, tổ dân phố X, thị trấn C, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Chỗ ở hiện nay: Xóm L, thôn L1, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: **Anh Nguyễn Phú H, sinh năm 1989, có mặt;**

Nơi cư trú: Số nhà 36 đường T, tổ dân phố X, thị trấn C, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời trình bày tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và Anh Nguyễn Phú H có tự nguyện tìm hiểu trước khi hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 25/8/2016 tại UBND thị trấn C, huyện S.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại nhà cha mẹ đẻ của anh H từ tháng 8/2018 đến tháng 7/2019. Trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thường xuyên. Nguyên nhân là do tính tình giữa vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, hay xảy ra nhiều lần cãi nhau. Thời gian gần đây, vợ chồng

không còn sống chung, không còn quan tâm, liên lạc với nhau. Nay chị thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với Anh Nguyễn Phú H.

Về con chung: Chị Lê Thị Th xác định, vợ chồng có một con chung tên là Nguyễn Phú H, sinh ngày 23/3/2017, đang ở với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Chị Th yêu cầu anh H cấp dưỡng hàng tháng cho cháu Nguyễn Phú H, mức cấp dưỡng là 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*).

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Lê Thị Th xác định, vợ chồng không có nghĩa vụ chung về tài sản với người thứ ba.

Về công việc và thu nhập: Hiện nay chị làm nhân viên bán hàng, thu nhập mỗi tháng là 6.000.000 đồng (*sáu triệu đồng*).

Ngoài ra, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết gì thêm.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Phú H thống nhất quan hệ hôn nhân như chị Thọ trình bày trên là đúng.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhà mẹ đẻ của anh tại thị trấn C. Trong thời gian sống chung, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng có nhiều lần xảy ra việc cãi vã, xung đột. Do mâu thuẫn nên chị Th đưa con về nhà mẹ đẻ sinh sống từ tháng 7 năm 2019 đến nay. Tại phiên tòa, Anh Nguyễn Phú H cho rằng anh không muốn ly hôn nhưng vì chị Th cương quyết yêu cầu ly hôn, không đồng ý về sống chung lại với anh nên đồng ý yêu cầu ly hôn của chị Th.

Về quan hệ con chung: Anh Nguyễn Phú H công nhận vợ chồng có một con chung như chị Th trình bày là đúng. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng được quyền nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu trực tiếp nuôi con chung của chị Th thì anh H đồng ý cấp dưỡng hàng tháng cho con với số tiền là 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*).

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Lê Thị Th xác định, vợ chồng không có nghĩa vụ chung về tài sản với người thứ ba.

Về công việc và thu nhập: Hiện nay, anh H làm công nhân điện tại Điện lực huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, thu nhập bình quân mỗi tháng là 7.000.000 đồng *(bảy triệu đồng)*.

Ngoài ra, bị đơn không yêu cầu giải quyết vấn đề gì khác.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận việc thuận tình ly hôn giữa Chị Lê Thị Th và Anh Nguyễn Phú H.

Về quan hệ con chung: Xét thấy, con chung hiện nay còn nhỏ tuổi nên việc giao con chung cho người mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ đảm bảo điều kiện nuôi con chung hơn nên giao con chung cho Chị Lê Thị Th tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của Chị Lê Thị Th, buộc Anh Nguyễn Phú H có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng cho cháu Nguyễn Phú H, mức cấp dưỡng 1.500.000đồng *(một triệu, năm trăm nghìn đồng)*.

Về quan hệ tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Không có nên đề nghị không giải quyết.

Về án phí: Buộc Chị Lê Thị Th phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và anh Nguyễn Phí H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Thị Th và Anh Nguyễn Phú H có quan hệ hôn nhân hợp pháp, có tự nguyện tìm hiểu trước khi kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Trong quá trình chung sống, chị Th và anh H phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không phù hợp, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau. Trong quá trình Tòa án tiến hành tố tụng, chị Th và anh H đều thừa nhận quan hệ vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, chị Th không còn tình cảm với anh H, hôn nhân không có hạnh phúc, vợ chồng không còn sống chung với nhau.

Xét thấy, chị Th và anh H thuận tình ly hôn là phù hợp với tình trạng mâu thuẫn của anh, chị và đúng quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, việc thuận tình ly hôn giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2] *Về quan hệ con chung:* Chị Lê Thị Th và Anh Nguyễn Phú H xác định, anh, chị có một con chung tên là Nguyễn Phú H, sinh ngày 23/3/2017, đang ở cùng chị Th. Tại phiên tòa, chị Th và anh H đều có yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Hội đồng xét xử thấy rằng, mặc dù cả hai bên đều có yêu cầu nhận nuôi con chung nhưng việc giao con chung chưa thành niên cho cha hoặc mẹ nuôi cần phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con chung. Cháu Nguyễn Phú H hiện còn nhỏ (38 tháng tuổi) nên cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ (chị Th) hơn. Từ trước đến nay, chị Th là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên cần thiết phải giao con chung cho chị Th tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với điều kiện thực tế và quy định của pháp luật.

[3] *Việc cấp dưỡng nuôi con:* Xét thấy, việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con khi ly hôn. Anh H có công việc và thu nhập

ổn định hàng tháng nên cần buộc anh phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Tuy nhiên, mức cấp dưỡng do chị Th yêu cầu là cao so với mức thu nhập của anh H nên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con của chị Th. Theo đó, buộc Anh Nguyễn Phú H có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng cho cháu Nguyễn Phú H, mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng *(một triệu, năm trăm nghìn đồng)*.

[4] *Về quan hệ tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản:* Chị Lê Thị Th và Anh Nguyễn Phú H xác định, anh, chị không có tài sản chung, không có nghĩa vụ chung về tài sản với người thứ ba nên không giải quyết.

[5] *Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên:* Đề nghị của Kiểm sát viên như trên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

[6] *Về án phí:*

Chị Lê Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn, số tiền 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* nhưng được khấu trừ toàn bộ số tiền chị đã nộp tạm ứng án phí.

Anh Nguyễn Phú H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về cấp dưỡng số tiền 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)*.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 119 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 264, Điều 266, Điều 267, Điều 273 và Điều 280 Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận thuận tình ly hôn giữa Chị Lê Thị Th và Anh Nguyễn Phú H.

2. Về giao nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Phú H, sinh ngày 23 tháng 3 năm 2017 cho Chị Lê Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục (cháu H hiện đang sống cùng chị Th).

3. Việc cấp dưỡng nuôi con: Buộc Anh Nguyễn Phú H có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng cho cháu Nguyễn Phú H, mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng *(một triệu, năm trăm nghìn đồng),* thời gian thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày tuyên án (22/5/2020) cho đến khi cháu Nguyễn Phú H đủ 18 tuổi.

Chị Lê Thị Th là người đại diện cho cháu H yêu cầu anh H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng và nhận tiền cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm

nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và các quy định khác của pháp luật.

4. Về quan hệ tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Không có, không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

Chị Lê Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn số tiền 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* nhưng được khấu xong tiền chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000636, ngày 26/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Anh Nguyễn Phú H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về cấp dưỡng số tiền 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)*.

6. *Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền (khoản tiền phải thi hành án) thì phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Chị Lê Thị Th và Anh Nguyễn Phú H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/5/2020).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND thị trấn Châu Ổ, huyện Bình Sơn *(đăng ký kết hôn số 612, ngày 25/8/2016)*;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Quang Toại